TOÀ ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN T PHỐ B

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân T phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố B tham gia phiên toà: Ông Vi Xuân Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân T phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST- HS ngày 16/4/2021 đối với bị cáo:

Trịnh Xuân M, sinh năm 1984; Tên gọi khác: Không.

Cư trú: Số nhà 05, ngõ 272, đường Nguyễn CH, phường Trần Nguyên H, T phố B, tỉnh B; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân B, sinh năm 1954 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1951; gia đình có 02 anh em bị cáo là con thứ 2; Vợ: Vương Thị Khánh H, Sinh năm: 1989; Con có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016.

- Tiền án: Bản án số 02/2019/HS-ST ngày 11/01/2019, Tòa án nhân dân T phố B, tỉnh B xử phạt 02 năm tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Tiền sự, nhân thân: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B - Có mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Đặng Văn T; sinh năm 1966

Địa chỉ: số nhà 20, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn C, tổ dân phố H T 1, phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B

- Chị Vương Thị Khánh H, Sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số nhà 05, ngõ 272, đường Nguyễn CH, phường Trần Nguyên H, T phố B, tỉnh B.

- Anh Trịnh Hải B, Sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số nhà 05, ngõ 272, đường Nguyễn CH, phường Trần Nguyên H, T phố B, tỉnh B.

**Người làm chứng:*

- Anh Vũ Đình K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 42, đường L, tổ 2A, phường Trần Nguyên H, T phố B, tỉnh B.

**Người chứng kiến:*

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 5/39, đường T, phường L, T phố B, tỉnh B

- Ông Đoàn Trọng H, sinh năm 1950

Địa chỉ: Số 10, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn C, phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 13 giờ 10 phút, ngày 18/12/2020, tại khu vực ngách 24, ngõ 175 đường Nguyễn Văn C, phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B. Tổ công tác Công an phường Hoàng Văn T, T phố B phát hiện Trịnh Xuân M, sinh năm 1984, trú tại số 05, ngõ 272, đường Nguyễn CH, phường Trần Nguyên H, T phố B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa B nhựa và viền màu đỏ, bên trong đựng 21 (hai mươi mốt) viên nén hình tròn màu H đỏ, tất cả nghi là ma túy được phát hiện thu giữ dưới nền đất cạnh vị trí Trịnh Xuân M đứng khi bị kiểm soát.

- 01 (một) ví da màu nâu bên trong đựng: 01 (một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Trịnh Xuân M; 01 (một) thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "TRINH HAI B"; 01 (một) thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "VUONG THI KHANH H".

- Số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng.

Tổ công tác tiến hành lập biên bản kiểm soát hành chính và niêm phong vật chứng nghi ma tuý vào một phong bì thư dán kín, niêm phong tại chỗ, sau đó bàn giao M cùng vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T phố B giải quyết.

Tại kết luận giám định số 1870/KL - KTHS ngày 22/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: 21 (hai mươi mốt) viên nén hình tròn, màu H đỏ (đựng trong 01 (một) túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu đỏ) đều là ma túy, có tổng khối lượng 2,115 gam, loại Methamphetamine.

Ngày 20/12/2020, Trịnh Xuân M đã xin đầu thú và khai nhận toàn bộ số ma túy thu giữ trên là của M, khi bị kiểm tra do sợ hãi nên M đã thả rơi túi ma túy từ tay phải xuống đất.

Quá trình điều tra, Trịnh Xuân M khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 18/12/2020 Trịnh Xuân M, sinh năm 1984 đang ở nhà tại số nhà 05, ngõ 272, đường Nguyễn CH, phường Trần Nguyên H, T phố B, tỉnh B thì có Vũ Đình K, sinh năm 1988, nơi cư trú: Số nhà 42, đường L, tổ 2A, phường Trần Nguyên H, T phố B, tỉnh B là hàng xóm, sang nhà M để đòi M chiếc máy cắt gỗ. K vào nhà M ngồi uống nước được khoảng 15 phút thì M nảy sinh ý định đi đến nhà T (thường gọi là T N) ở phường Hoàng Văn T, T phố B để mua ma túy và M nhờ K chở đi. Tuy nhiên khi nhờ K lái xe chở đi thì M lại nói nhờ K chở M xuống nhà anh T để mua tượng gỗ. K đồng ý chở M đi. Đến đầu ngõ nhà T thì M bảo K đỗ lại còn M đi bộ một mình vào nhà T. Đến cửa nhà T, M gọi điện thoại cho T hỏi T có nhà không thì T nghe điện thoại và bảo M đi lên gác xép. Lên đến gác xép M thấy T và một người con gái M không quen biết đang ngồi ở phản gỗ. M bảo với T "để cho em một triệu tiền ma túy ngựa". T bảo M "anh cho hai mươi viên nhé". M đưa 1.000.000 đồng cho T, T cầm tiền rồi lấy ma túy ngựa từ trong túi nilon màu xanh để sẵn trên phản, cho vào 01 túi nilon màu trắng đưa cho M. M cầm túi nilon đựng số ma túy ngựa vừa mua được của T ở tay phải rồi đi ra chỗ K đợi để đi về. Khi M ra đến đầu ngõ chỗ K đợi thì M bị lực lượng Công an kiểm tra, M đã thả gói ma túy vừa mua được xuống nền đất cạnh chỗ M đứng nhưng vẫn bị lực lượng Công an phát hiện và thu giữ.

Đối với người đã bán ma túy cho M, M mua của của người đàn ông tên T (thường gọi là T N) nhà ở trong ngõ đối diện cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh B thuộc phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B để sử dụng. Quá trình xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T phố B đã xác định người đàn ông tên T mà M đã khai mua ma túy trên là Đặng Văn T; sinh năm 1966; HKTT: số nhà 6, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn C, tổ dân phố H T 1, phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B; chỗ ở: số nhà 20, ngách 5, ngõ 175, đường Nguyễn Văn C, tổ dân phố H T 1,

phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B. Ngày 24/12/2020, Cơ quan CSĐT, Công an T phố B đã thi hành lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Đặng Văn T. Tuy nhiên quá trình khám xét không phát hiện và thu giữ được đồ vật, tài liệu gì có liên quan đến ma túy. Ngoài ra có tạm giữ: 01 (một) đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION, vỏ màu trắng, số Model: DS-7104HQHI-K1, Serial: C22601032, được niêm phong trong một hộp bìa các tông.

Cơ quan CSĐT, Công an T phố B đã tiến hành kiểm tra dữ liệu của chiếc đầu thu Camera trên. Quá trình kiểm tra phát hiện bên trong chiếc đầu thu không thấy có ổ đĩa để ghi dữ liệu Camera nên không trích xuất được dữ liệu.

Quá trình điều tra M khai: khi đến cửa nhà T, M có gọi điện thoại cho T B chiếc điện thoại di động Nokia đen trắng của M, lắp sim khuyết mại, M không nhớ số. Khi quay ra bị lực lượng Công an kiểm tra thì M phát hiện đã bị rơi mất chiếc điện thoại này không rõ ở đâu, từ khi nào. Lực lượng Công an khi kiểm tra, kiểm soát không phát hiện và thu giữ được chiếc điện thoại nào như trên. Tiến hành triệu tập ghi lời khai Đặng Văn T, T không thừa nhận đã bán ma túy cho M. Đã cho M và T đối chất nhưng T vẫn không thừa nhận đã bán ma túy cho M. Ngoài lời khai của M không có tài liệu nào khác phản ánh về việc T đã bán ma túy cho M nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với T.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (một) phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 (một) ví da màu nâu bên trong đựng: 01 (một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Trịnh Xuân M, 01 (một) thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "TRINH HAI B", 01 (một) thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "VUONG THI KHANH H"; Số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh đen, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION, vỏ màu trắng, số Model: DS-7104HQHI-K1, Serial: C22601032, được nhập kho vật chứng để xử lý.

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 15/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân T phố B đã truy tố bị cáo Trịnh Xuân M về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không có ý kiến gì về lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, người chứng kiến.

Đại diện Viện sát nhân dân T phố B giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân M phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân M từ 28 tháng tù đến 32 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung B tiền đối với bị cáo M.

* Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định để tiêu huỷ. Trả lại bị cáo M 01 ví da màu nâu, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Trịnh Xuân M. Trả anh lại Trịnh Hải B 01 thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "TRINH HAI B", số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh đen. Trả lại chị Vương Thị Khánh H 01 thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "VUONG THI KHANH H". Trả lại anh Đặng Văn T 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION, vỏ màu trắng, số Model: DS-7104HQHI-K1, Serial: C22601032.

* Án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Xuân M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an T phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang và vật chứng thu giữ có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 13 giờ

10 phút, ngày 18/12/2020, tại khu vực ngách 24, ngõ 175 đường Nguyễn Văn C, phường Hoàng Văn T, T phố B, tỉnh B, tổ công tác Công an phường Hoàng Văn T, T phố B phát hiện Trịnh Xuân M, sinh năm 1984, trú tại số 05, ngõ 272, đường Nguyễn CH, phường Trần Nguyên H, T phố B có hành vi tàng trữ trái phép 2,115 gam chất ma túy Methamphetamine, mục đích để sử dụng.

Hành vi tàng trữ ma túy bất hợp pháp của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân T phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 02/2019/HS-ST ngày 11/01/2019, Tòa án nhân dân T phố B, tỉnh B xử phạt 02 năm tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy". Sau khi chấp hành hình phạt tù xong về địa phương trong thời gian chưa được xóa án tích, bị cáo không nhận thức được việc làm của mình mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma tuý, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Ma tuý là chất gây nghiện làm băng hoại sức khoẻ của con người và là hiểm hoạ của đại dịch HIV và cũng chính từ ma tuý dẫn đến biết bao loại tội phạm khác phát sinh. Vì vậy cần có một mức án là hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để có tác dụng giáo giục, cải tạo bị cáo trở T công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, vừa có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo T khẩn và ăn năn hối cải và đầu thú trước Cơ quan điều tra. Vì vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh về điều kiện kinh tế của bị cáo tại địa phương, kết quả địa phương cung cấp bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện để nộp phạt bổ sung B tiền, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về nguồn gốc ma túy bị cáo M khai mua của Đặng Văn T, cơ quan điều tra đã triệu tập và ghi lời khai của T nhưng T không thừa nhận bán ma túy cho M. Tiến hành đối chất giữa M và T nhưng T vẫn không thừa nhận đã bán ma túy cho M. Ngoài lời khai của M không có tài liệu nào khác chứng minh về việc T bán ma túy cho M nên không có căn cứ xử lý đối với T.

[8]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trịnh Hải B, chị Vương Thị Khánh H và Đặng Văn T đều vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra vụ án đều khai không biết việc Trịnh Xuân M thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra có tạm giữ 01 thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "TRINH HAI B", số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh đen. 01 thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "VUONG THI KHANH H" và 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION, vỏ màu trắng, số Model: DS-7104HQHI-K1, Serial: C22601032 đây là tài tài sản của anh B, chị H và anh T nay anh B, chị H và anh T đều xin lại để sử dụng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Xét thấy đây là tài sản của cá nhân anh B, chị H và anh T không liên quan đến việc phạm tội cần được trả lại anh B, chị H và anh T.

[9]. Vật chứng của vụ án gồm: 01 phong bì đựng mẫu vật ma túy hoàn lại sau giám định đây là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu huỷ. 01 ví da màu nâu, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Trịnh Xuân M là của bị cáo M không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại bị cáo.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân M 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung B tiền đối với bị cáo.

* Vật chứng của vụ án: Tịch thu 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định để tiêu huỷ. Trả lại bị cáo M 01 ví da màu nâu, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Trịnh Xuân M. Trả anh lại Trịnh Hải B 01 thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "TRINH HAI B", số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh đen. Trả lại chị Vương Thị Khánh H 01 thẻ ATM, ngân hàng V mang tên "VUONG THI KHANH H". Trả lại anh Đặng Văn T 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION, vỏ màu trắng, số Model: DS-7104HQHI-K1, Serial: C22601032.

* Về án phí bị cáo Trịnh Xuân M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tống đạt bản án của Toà án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND T phố B;
- Công an T phố B;
- Chi cục THADS T phố B;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tú